

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST

Ngày 25 - 02 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Đông Giang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Bường và bà Đoàn Thị Duyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Ngoan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2020/TLST –HS ngày 16 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 2 năm 2020 đối với:

- Bị cáo Đoàn Văn T, sinh ngày 29/9/1994; Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở: Thôn Đ, xã B, huyện K; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn M, sinh năm 1972 và con bà Hoàng Thị Nh, sinh năm 1973; Tiền án: Tại bản án số 163/2016 ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Th, thành phố Hà Nội, xử phạt Đoàn Văn T 30 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2016. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/10/2018, chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2019, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Lê Thanh T, sinh năm 1970 và chị Hoàng Thị M, sinh năm 1970; Điều cư trú: Thôn T2, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Tổ 11A, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1952; Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Dương Đức H, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Số nhà 158 Lê Q, phường 9, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 10/12/2019, Đoàn Văn T đi bộ từ nhà ở Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình ra đường để bắt xe lên Hà Nội. Khi đi qua cổng nhà ông Hoàng Văn Q ở cùng thôn, T thấy xe của anh Lê Thanh Tùng dừng ngoài đường, chìa khóa điện vẫn cắm ở ổ xe, quan sát không thấy người trông coi nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp. T lên xe nổ máy và điều khiển xe đi về hướng đê xã M thì dừng lại mở cốp xe để kiểm tra, thấy bên trong có 01 đăng ký xe mang tên Dương Đức H, 01 giấy phép lái xe mang tên Hoàng Thị M. T bỏ giấy tờ vào túi quần rồi tiếp tục điều khiển xe lên thành phố Hà Nội. Khi đi đến quán sửa xe của anh Nguyễn Mạnh H tại tổ 11A, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, T nói cần tiền chữa bệnh nên muốn bán xe. Sau khi hỏi và kiểm tra giấy tờ xe, Hà đã đồng ý mua xe của T với giá 4.000.000đồng. T dùng số tiền bán xe đi tiêu xài tại Hà Nội, đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì bắt xe về nhà. Khi về đến khu vực chợ gốc, thôn Đ, xã B, huyện K T ném giấy phép lái xe của chị M ở vệ đường rồi về nhà ngủ.

Sau khi sự việc xảy ra anh T đã viết đơn trình báo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã triệu tập T lên làm việc, bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội của mình. Số tiền 4.000.000đồng bán xe T đã chi tiêu hết 3.150.000 đồng, còn lại 850.000 đồng T giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K.

Ngày 12/12/2019 anh Nguyễn Mạnh H đã giao nộp xe mô tô biển kiểm soát 72L3 -0638 cùng đăng ký xe đã mua của T cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K.

Đối với giấy phép lái xe mang tên Hoàng Thị M, ngày 25/12/2019 một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ đã mang đến nhà cho chị M nói nhặt được ở đoạn đường thôn Đ, xã B. Hiện giấy phép lái xe chị M đang quản lý.

Tại kết luận định giá tài sản số 18/KL- HDDG ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: Chiếc xe mô tô hiệu Future màu đen – xám – bạc, biển kiểm soát 72L3- 0638, số khung C3 5017Y – 043988, số máy C35E – 0443962, tại thời điểm định giá có giá trị là 8.500.000 đồng.

Cáo trạng số 06/CT-VKSKX ngày 16/01/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Đoàn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tuyên phạt Đoàn Văn T 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 850.000đồng thu giữ của bị cáo T, đây là tiền có được từ việc bán xe trộm cắp, anh Nguyễn Mạnh H không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên, bị cáo đề nghị tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước.

Sau phân tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ khác có trong vụ án, như: Đơn trình báo và lời khai của bị hại anh Lê Thanh T; Lời khai của chị Hoàng Thị M; Biên bản khám nghiệm hiện trường; kết luận định giá tài sản số 18/KL-HDDG ngày 12/12/2019; kết luận giám định số 132/KLGD-PC09 ngày 13/12/2019; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Mạnh H; Lời khai của người làm chứng ông Hoàng Văn Q và ông Dương Đức H.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 10/12/2019, tại đoạn đường Thôn T, xã Thanh Tân, huyện K, Đoàn Văn T đã lợi

dụng sơ hở trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Future Neo màu đen – xám – bạc, biển kiểm soát 72L3 – 0638 trị giá 8.500.000đồng của anh Lê Thanh T sinh năm 1970 trú tại Thôn T, xã Thanh Tân, huyện K.

Hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu trộm cắp tài sản, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó cần đưa ra mức án tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Năm 2016, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử T về tội “trộm cắp tài sản”, ra trại ngày 21/10/2018, đến lần phạm tội này chưa được xóa án tích, do đó bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Tùng và chị M đã nhận lại T bộ tài sản, không yêu cầu bồi thường khoản nào khác, nên trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Mạnh H không yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 4.000.000 đồng đã bỏ ra mua xe và không đề nghị gì nên không đặt ra giải quyết. Bị cáo đã sử dụng 3.150.000 đồng chi tiêu cá nhân và giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 850.000 đồng, đây là tiền có được từ hành vi phạm tội, bị cáo đề nghị thu nộp ngân sách nhà nước, do đó cần tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về vật chứng vụ án: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future Neo màu đen – xám – bạc, biển kiểm soát 72L3 – 0638, số khung RLHJC352017Y043988, số máy JC35E – 0443962 và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Dương Đức H Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho người bị hại.

[7] Về án phí: Bị cáo Đoàn Văn T phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. **Tuyên bố:** Bị cáo Đoàn Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 01(*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 15/12/2019.

2. **Về xử lý vật chứng:** Tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước số tiền 850.000đồng đựng trong 01 phong bì màu trắng, mặt trước có dòng chữ màu xanh "*Công an tỉnh Thái Bình, Công an huyện K*"; mặt sau có 04 dòng chữ Bùi Văn Tùng, Mai Đình Luyện, Đoàn Văn T, Trần Thị L và 02 dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K. (*T bộ số vật chứng nêu trên đang được quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản kê biên giữa Công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K lập ngày 07/02/2020*).

3. **Về án phí:** Bị cáo Đoàn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/02/2020; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND h. K;
- Công an h.K;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS h. K;
- Sở tư pháp t. Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Đông Giang

